

BÀN VỀ TƯ DUY PHẢN BIỆN TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC*Nguyễn Thị Hòa¹***TÓM TẮT**

Khác với đào tạo nghề chỉ đơn thuần cung cấp kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp, giáo dục đại học là bậc học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, sản phẩm đầu ra của giáo dục đại học phải có đầy đủ các tiêu chí về kiến thức, năng lực nhận thức, năng lực tự chủ, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm. Để đạt chuẩn đầu ra đó đòi hỏi trong quá trình đào tạo sinh viên phải có năng lực tư duy phản biện.

Năng lực tư duy phản biện có ảnh hưởng mang tính quyết định lên hiệu quả của các hoạt động giáo dục, kết quả học tập của sinh viên, của giảng viên và các nhà nghiên cứu trong môi trường giáo dục mang tính toàn cầu. Với tầm quan trọng đặc biệt của vấn đề, bài viết nhằm làm rõ vai trò, sự cần kíp và một số phương pháp thực hành tư duy phản biện cho sinh viên.

Từ khóa: Tư duy phản biện, biện luận, đại học, sinh viên, năng lực

1. Đặt vấn đề

Ngay từ khi mới sinh ra, đứa trẻ đã biết đặt những câu hỏi về các sự vật, sự việc, hiện tượng xảy ra trong thế giới tự nhiên và xã hội (thông qua những từ để hỏi như: Gì? Khi nào? Tại sao? Thế nào? Bằng cách nào?...). Qua đó, trẻ nhận biết, đánh giá thế giới xung quanh và thỏa mãn những hoài nghi của mình.

Càng trưởng thành con người càng tiếp cận với một lượng khổng lồ các thông tin từ tự nhiên, xã hội. Để thích ứng và phát triển được trong thế giới đó, đòi hỏi con người phải có sự đánh giá đúng đắn, khách quan về sự vật, hiện tượng và phải có kỹ năng tư duy phản biện.

Trên thực tế, không phải ai cũng có khả năng tư duy phản biện tốt. Tư duy con người có thể bị tác động bởi nhiều yếu tố: tính bảo thủ, định kiến, hẹp hòi, lười suy nghĩ, tình cảm cá nhân...

Chúng có khả năng chi phối và làm biến dạng thông tin về sự vật, hiện tượng. Từ đó có khả năng đưa ra những nhận định sai lầm, thiếu chính xác. Điều này lý giải vì sao lại có nhiều luồng ý kiến, nhiều nhận định, đánh giá khác nhau về cùng một vấn đề như vậy. Trong dân gian vẫn dùng câu “Chín người mười ý” để diễn đạt sự khác biệt trong cách suy nghĩ và nhận định về vấn đề.

Mặc dù “tư duy phản biện” là một thuật ngữ không hề mới trong các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới (đặc biệt là giáo dục đại học), ở Việt Nam cụm từ này còn khá mới mẻ. Điều đó lý giải vì sao có một nghịch lý vẫn tồn tại trong nền giáo dục ở nước ta, đó là sinh viên đại học - những người được cho là một bộ phận của nguồn nhân lực chất lượng cao lại ít có khả năng phản biện khoa học.

Trong bối cảnh hiện nay, sinh viên không chỉ là một bộ phận của trí thức, là

¹ Trường Đại học Thủ Dầu Một

công dân của một quốc gia mà còn là công dân của toàn cầu. Điều này đòi hỏi sinh viên phải rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện để phục vụ quá trình học tập, có khả năng đáp ứng các yêu cầu nghề nghiệp và trở thành con người có khả năng tư duy độc lập, sáng tạo trong xã hội.

Vậy vấn đề đặt ra là những công dân toàn cầu cần có những tiêu chí gì? Giải quyết được vấn đề này có nghĩa các quốc gia đã hình thành được đội ngũ lao động với những phẩm chất, kỹ

năng, năng lực đáp ứng yêu cầu toàn cầu. Theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới (2015) về “*Tầm nhìn mới cho giáo dục: Phát triển các tiềm năng của kỹ nghệ*”, để đáp ứng được yêu cầu nguồn nhân lực trong thời đại toàn cầu, người học phải có 16 kỹ năng thiết yếu [1], trong đó, kỹ năng tư duy phản biện đóng một vai trò chính yếu, cốt lõi, là nhân tố kết nối các kỹ năng còn lại để đạt đến kỹ năng cuối cùng là kỹ năng học tập suốt đời.

Bảng 1: Các kỹ năng thiết yếu của một công dân toàn cầu thế kỷ 21

Các kỹ năng và tư chất yêu cầu		
1. Nhóm kỹ năng nền	1	Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết
	2	Kỹ năng tính toán
	3	Hiểu biết cơ bản về khoa học
	4	Kỹ năng khoa học công nghệ
	5	Khả năng tính toán tài chính
	6	Hiểu biết về văn hóa, lối sống văn minh
2. Nhóm kỹ năng mềm	7	Kỹ năng tư duy biện luận, giải quyết vấn đề
	8	Khả năng sáng tạo
	9	Khả năng giao tiếp
	10	Khả năng hợp tác
3. Các tư chất thuộc về tính cách	11	Có óc tò mò, muốn tìm hiểu
	12	Có tính tích cực, khởi xướng sự thay đổi
	13	Có tính kiên định
	14	Khả năng tự thích ứng cao
	15	Có kỹ năng lãnh đạo
	16	Có ý thức về xã hội và văn hóa

(Nguồn: Dương Thị Hoàng Oanh, Nguyễn Xuân Đạt (2005), *Giáo trình Tư duy biện luận ứng dụng*, NXB Đại học Quốc gia TP. HCM, tr. 248-249)

Trên thực tế, sinh viên sau khi ra trường thực sự khó khăn trong tìm kiếm việc làm. Lý do chủ yếu là do thiếu hụt kỹ năng (theo một điều tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào năm 2011, con số thất nghiệp do thiếu kỹ năng lên đến 63%), trong đó nhiều kỹ năng liên quan đến tư duy phản biện. Thực trạng này phản ánh sự thiếu hụt trầm trọng mảng kiến thức này trong chương trình đào tạo bậc đại học ở nước ta hiện nay và cho thấy các trường cần phải kịp thời lấp đầy khoảng trống đó.

2. Một số vấn đề về tư duy phản biện

Về nguồn gốc, tư duy phản biện tồn tại từ rất lâu trong các học thuyết ở phương Tây như phương pháp tư duy theo lối Socrates của người Hy Lạp cổ hay ở phương Đông như trong kinh Vệ Đà của nhà Phật với những triết lý sơ khai nổi tiếng như: “Đừng tin bất cứ điều gì nếu đơn giản là bạn chỉ nghe về điều đó. Đừng tin bất cứ điều gì nếu đơn giản là chỉ vì điều đó đã được nói ra và do nhiều người đồn đại... Đừng tin bất cứ điều gì nếu đơn giản vì các điều đó dựa trên thẩm quyền của thầy cô giáo hoặc những người lớn tuổi hơn bạn” (Đức Phật Thích Ca), hoặc: “Tôi nghe và tôi sẽ quên đi. Tôi thấy và tôi sẽ nhớ. Tôi hành động và tôi sẽ hiểu” (Khổng Tử)... Những tư tưởng này là những tư tưởng mạnh mẽ, khởi nguồn cho những giá trị và phẩm chất của tư duy phản biện.

Thuật ngữ “tư duy phản biện” hay “tư duy biện luận” được dịch từ thuật ngữ “critical thinking” trong tiếng Anh. Theo Russell Brooker [2], kỹ năng tư duy phản biện là kỹ năng suy nghĩ vượt lên trên những phân tích và logic theo lối mòn thông thường. Đó là một quá trình tư duy nhằm chất vấn các giả định hay giả thiết, là cách để khẳng định rằng một nhận định nào đó là đúng hay sai, đôi khi đúng, hay có phần đúng.

Từ đó có thể thấy, để có tư duy phản biện, con người cần có các khả năng/tổ chất sau đây [3]:

- Hiểu được kết nối logic giữa các ý tưởng.
- Xác định, xây dựng và đánh giá các lập luận.
- Phát hiện các mâu thuẫn và sai lầm phổ biến thường gặp trong lập luận.
- Giải quyết vấn đề một cách hệ thống.
- Nhận ra sự liên quan và tầm quan trọng của các ý tưởng.
- Phản xạ biện minh về niềm tin và giá trị của một người/sự vật/sự việc.

Cụ thể, đối với sinh viên đại học, để hình thành năng lực tư duy phản biện phục vụ quá trình học tập, họ cần:

- Xác định được những vấn đề quan trọng, những vấn đề còn tranh cãi.
- Biết phân tích, diễn giải, đánh giá chất lượng thông tin thu được từ đối tượng.
- Biết suy xét những quan điểm khác nhau, biết đánh giá các giả thuyết,

các giải pháp khác nhau và đưa ra được lập luận, quan điểm của riêng mình...

Kết quả cuối cùng của tư duy phản biện là đưa ra một lời nhận định của riêng cá nhân về vấn đề nào đó, vì vậy, nó là cơ sở để hình thành năng lực tư duy độc lập - tiêu chí cơ bản để đánh giá một con người có khả năng trở thành một chuyên gia, một nhà khoa học hay không.

Xem xét bản chất của tư duy phản biện trong mối tương quan với các phương pháp học thuật và phương pháp giải quyết vấn đề, có thể thấy sự gần gũi của nó với một số phương pháp tư duy khác như: phương pháp đánh giá mục tiêu, quá trình dạy học của Bloom (Thang cấp độ tư duy Bloom); phương pháp “Sáu chiếc nón tư duy”; phương pháp “Động não”; phương pháp “Bản đồ tư duy”; “Sơ đồ Ishikawa” và một số phương pháp khác.

3. Sự cần thiết của tư duy phản biện trong học tập đại học

3.1. Xuất phát từ vai trò của tư duy phản biện

Triết gia người Pháp J.J Rousseau cho rằng: “Nếu chỉ nhào nặn con người theo duy nhất một trạng thái thì anh ta sẽ trở nên vô dụng trước mọi tình huống khác” [4], và nếu tính năng động và năng lực tư duy sáng tạo bị thui chột, con người/sinh viên chỉ biết làm theo những chỉ đạo, hướng dẫn sẵn có thì chúng ta sẽ có những con người dễ phục tùng, làm theo, nói theo, nhìn sự việc

bằng con mắt của người khác, đánh mất tư duy độc lập, suy nghĩ và hành động bằng cái đầu của người khác, xa lạ với yêu cầu cuộc sống.

Ngược lại, tư duy phản biện sẽ mang lại nhiều lợi ích trong học tập, công việc lẫn cuộc sống của con người nhờ khả năng giải quyết vấn đề, suy nghĩ một cách thấu đáo, sáng tạo, giảm thiểu khả năng sai lầm trong việc đưa ra quyết định.

3.2. Xuất phát từ yêu cầu của khu vực hóa, toàn cầu hóa

Khả năng tư duy phản biện là một phần không thể thiếu của quá trình toàn cầu hóa, quốc tế hóa. Thậm chí, nó còn có khả năng ảnh hưởng mang tính quyết định đến kết quả của quá trình toàn cầu hóa, quốc tế hóa. Parker, Ninomiya và Cogan (1999) đã mô tả một số kỹ năng mà các công dân cần phải có để giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu [5]:

- Có khả năng xem xét và tiếp cận các vấn đề như một thành viên của một xã hội mang tính toàn cầu;
- Có khả năng làm việc với các thành viên khác một cách hợp tác và tự chịu trách nhiệm đối với vai trò, nhiệm vụ của mình trong một xã hội;
- Có khả năng thấu hiểu, chấp nhận, đánh giá cao và kiên nhẫn đối với các khác biệt về văn hóa;
- Có khả năng suy nghĩ, cân nhắc (có phán xét và có hệ thống);

- Có thiện chí giải quyết mâu thuẫn không bạo lực;

- Có thiện chí và có khả năng tham gia vào các sự kiện chính trị ở cấp địa phương, cấp nhà nước và cấp quốc tế;

- Có thiện chí thay đổi lối sống và thói quen tiêu dùng để bảo vệ môi trường;

- Nhạy cảm đối với các vấn đề và bảo vệ quyền con người.

Những tiêu chí công dân toàn cầu này cho thấy chúng có nhiều điểm tương đồng với các tiêu chuẩn đầu ra của nhiều ngành nghề đào tạo trong các trường đại học ở Việt Nam. Trong xu thế quốc tế hóa hiện nay, Việt Nam cũng không thể tách biệt khỏi dòng chảy của sự phát triển và hội nhập. Vì vậy, để tiến hành thành công quá trình hội nhập quốc tế, nền giáo dục của nước ta không chỉ xây dựng chuẩn đầu ra theo nhu cầu của từng ngành, nghề của nền kinh tế - xã hội quốc gia mà cần phải xây dựng những tiêu chí đầu ra phù hợp với tiêu chí chung của thế giới.

3.3. Xuất phát từ yêu cầu của quá trình học tập bậc đại học

Trong môi trường học tập truyền thống, bài giảng của giáo viên thường tập trung chủ yếu vào nội dung và kiến thức của bài học, môn học. Trong hoàn cảnh đó, người giáo viên đóng vai trò trung tâm. Mọi kiến thức truyền đạt từ người thầy được xem là đúng đắn, là “chân lý”, người học gần như không được phản biện để hiểu tường tận và tự mình kiểm chứng vấn đề kiến thức.

Những năm gần đây, xu hướng giáo dục đã thay đổi. Nhiều hệ thống giáo dục tiên tiến đã thực hành phát huy vai trò trung tâm của người học, tạo điều kiện thuận lợi cho người học tham gia tích cực vào bài, chủ động lĩnh hội kiến thức. Người học/sinh viên đã dần quen với việc lật ngược lại vấn đề, đặt câu hỏi về các hiện tượng và bản chất của khoa học, kinh tế - xã hội cũng như cách ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn học tập, sinh hoạt, nghề nghiệp...

Việc thay đổi xu hướng và phương pháp đào tạo như trên đã được ngành giáo dục Việt Nam hưởng ứng tích cực trong khoảng mười năm trở lại đây. Ngoài việc thay đổi phương pháp giảng dạy, nhiều trường đại học đã chính thức đưa vào chương trình đào tạo tất cả các ngành những học phần với tên gọi cụ thể như: Tư duy phản biện, Tư duy phê phán, Tư duy biện luận ứng dụng... Sinh viên sẽ được trang bị cách học, cách ứng xử, cách tư duy, cách lập luận... hiệu quả, chuyên nghiệp trong môi trường học tập, nghiên cứu ở đại học, sau đại học cũng như chuẩn bị cho thực hành nghề nghiệp sau khi ra trường.

4. Một số phương pháp rèn luyện tư duy phản biện cho sinh viên

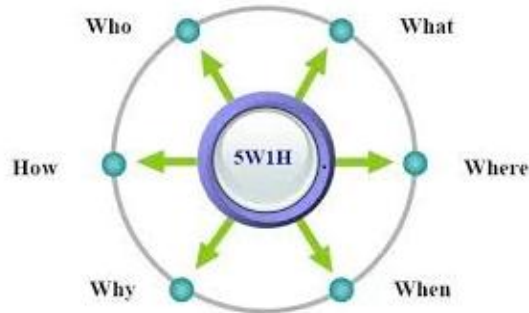
4.1. Dẫn dắt sinh viên đặt câu hỏi theo lối tư duy phản biện

Câu hỏi theo lối tư duy phản biện là dạng câu hỏi có thể khai thác thông tin đầy đủ, đa diện, hệ thống mà qua đó

người được hỏi sẽ tiếp nhận vấn đề một cách sâu sắc nhất và toàn diện nhất.

Trên thực tế, kỹ thuật đặt câu hỏi tư duy “5W – 1H” là kỹ thuật được sử dụng rộng rãi và dễ dàng nhất. Để hiểu bản chất một vấn đề/hiện tượng,

người ta thường bắt đầu bằng các từ để hỏi như: What? (Gì/Cái gì), Why? (Tại sao), Where? (Ở đâu), When? (Khi nào), Who? (Với ai) và How (Như thế nào/Làm thế nào).



Hình 1: Kỹ thuật đặt câu hỏi tư duy 5W1H

(Nguồn: <http://seokool.com/cach-viet-bai-seo-theo-tieu-chi-5w1h/>)

Với mỗi từ để hỏi như vậy, sinh viên sẽ được hướng dẫn triển khai mở rộng câu hỏi theo các chiều hướng và mức độ khác nhau xoay quanh vấn đề, chẳng hạn:

Với “What?” các câu hỏi đặt ra có thể bao gồm:

- Cái đó là gì?
- Nó đề cập đến vấn đề gì?
- Nó có ý nghĩa gì?
- Kế tiếp sự kiện này, thì cái gì khác xảy ra?
- Cuốn sách này trình bày vấn đề gì?
- Bài học này trình bày vấn đề gì?
- Có những gì khác có liên quan?

Hoặc với “How?”, câu hỏi có thể là:

- Định luật này áp dụng như thế nào?
- Nội dung này nên bắt đầu như thế nào?
- Dự án này sẽ tiêu tốn bao nhiêu?
- Các sự kiện và nhân vật trong cuốn tiểu thuyết này được kết nối như thế nào?
- Diễn biến tiếp theo của nội dung này nên như thế nào?

Nhìn chung, tùy vào vấn đề hay lĩnh vực nghiên cứu mà 5W1H có thể được vận dụng linh hoạt khác nhau. Trong quá trình triển khai làm rõ vấn đề, người học cần được khuyến khích đưa ra những suy nghĩ độc lập, đặt các loại câu hỏi khác nhau trước một vấn đề,

hỏi đúng trọng tâm, đúng chỗ, đúng lúc; được khuyến khích đưa ra nhận xét cá nhân, xét đoán hoặc đánh giá vấn đề; chủ động giải thích lý do, lập luận, chứng minh cho quan điểm của mình; nhìn nhận vấn đề đa chiều, và có khả năng đưa ra những dẫn chứng thuyết phục về vấn đề.

4.2. Khuyến khích, tạo điều kiện cho sinh viên thường xuyên động não

Về cơ bản, trong môi trường học tập phương pháp động não sẽ giúp chúng ta triệu tập được nhiều ý kiến từ nhiều bộ não khác nhau trong một thời gian ngắn để cùng giải quyết một vấn đề. Phương pháp này được thể hiện qua các hoạt động thảo luận, làm việc nhóm...

Trong phương pháp này, người học cần được khuyến khích đưa ra được càng nhiều ý tưởng càng tốt, sẽ không có sự giới hạn ý tưởng (có thể có những ý tưởng điên rồ, kỳ quặc) hoặc bình phẩm, chê bai ý tưởng.

Việc tìm ra “con lóc” các ý tưởng mới chỉ là bước khởi đầu của quá trình động não. Các ý tưởng sau đó sẽ được lược lại (xóa bỏ những ý tưởng hoàn toàn không phù hợp và không liên quan; gộp các ý tưởng có sự tương đồng, tương tự...) và bắt đầu được đánh giá để tìm kiếm và chọn lựa ra ý tưởng hoàn hảo nhất. Quá trình này sẽ giúp người học tự tư duy và tư duy theo nhóm, giúp họ có cái nhìn khách quan và toàn diện hơn về vấn đề để chọn lựa ra một đáp án chính xác và phù hợp nhất.

4.3. Lựa chọn và thường xuyên sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học

Ứng dụng thang cấp độ tư duy, phương pháp Bản đồ tư duy, kỹ thuật “Sáu chiếc nón tư duy”, phương pháp “Năm nguồn lực”, sơ đồ “Xương cá”... phù hợp để rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện trong sinh viên. Đây là những phương pháp, kỹ thuật dạy học không thể bỏ qua hoặc xem nhẹ trong giảng dạy đại học. Các phương pháp này có thể được sử dụng khá linh hoạt, dễ dàng nhưng lại đem lại hiệu quả cao trong học tập, tạo hứng thú và giúp người học có khả năng phát hiện vấn đề, nhìn nhận vấn đề dưới những góc độ khác nhau, giúp người học hệ thống hóa thông tin thu thập được... để từ đó đánh giá, chọn lọc và quyết định vấn đề nhận thức một cách khoa học, bài bản nhất. Các phương pháp, kỹ thuật này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản để sinh viên nâng cao khả năng thực hành, vận dụng trong học tập, nghiên cứu, làm việc và thậm chí ngay cả trong cuộc sống của họ.

5. Kết luận

Trước yêu cầu của sự phát triển, các trường đại học cần đào tạo ra những công dân toàn cầu với đầy đủ phẩm chất và năng lực theo những giá trị chung. Điều này đòi hỏi người giảng viên ngoài việc cung cấp kiến thức chuyên ngành cần có khả năng kết hợp các phương pháp giảng dạy, kỹ năng dẫn dắt, định hướng cho người học biết tư

duy phản biện các vấn đề nảy sinh trong học tập, làm việc và trong đời sống xã hội. Những hỗ trợ này từ phía giảng viên sẽ giúp sinh viên định hướng và hình thành tính tự học, tự rèn luyện bản thân và không ngừng tìm tòi, học hỏi. Mặc dù hiệu quả việc tự học của sinh

viên là do bản thân mỗi sinh viên quyết định song đối với một hệ thống giáo dục tốt thì việc định hướng và hỗ trợ sinh viên là việc làm cần thiết, đặc biệt là việc cung cấp cho sinh viên những kỹ năng tư duy mang tính phản biện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Thị Hoàng Oanh, Nguyễn Xuân Đạt (2005), *Giáo trình Tư duy biện luận ứng dụng*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
2. <http://www.lypham.net/?p=1110>
3. www.thesaigontimes.vn/home/diendan/ykien/41544/
4. Bùi Loan Thùy, Phạm Đình Nghiệm (2012), *Giáo trình Kỹ năng tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề*, UEF
5. Dương Phúc Tý (2015), *Sinh viên học thế nào để thành công*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội

ON CRITICAL THINKING IN COLLEGE EDUCATION

ABSTRACT

Unlike vocational training that purely provides knowledge and professional practice skills, higher education is the education level of training high quality human resources. The output of higher education must fully meet the criteria of knowledge, cognitive ability, self-control ability, skills, attitudes and responsibilities. To achieve such outcomes, it requires students to be capable of critical thinking in the training process.

Critical thinking capability has a decisive impact on the effectiveness of educational activities, the learning outcomes of students, faculty and researchers, and global education environment. With the special importance of the problem, the article aims to clarify the role, necessity and some practices of critical thinking for students.

Keywords: *Critical thinking; argumentation; university; student; competence*

(Received: 20/04/2017, Revised: 10/05/2017, Accepted for publication: 24/07/2017)